

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2014

Số: 1.712.../QĐ-ĐHNL-ĐT

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế học vụ áp dụng cho bậc Đại học và Cao đẳng
hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 22 tháng 9 năm 2010 về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế học sinh, sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết luận của Hiệu trưởng trong cuộc họp thông qua Quy chế học vụ ngày 31 tháng 12 năm 2013;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo quyết định này Quy chế học vụ áp dụng cho bậc Đại học và Cao đẳng hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ban hành và áp dụng kể từ học kỳ I năm học 2014 – 2015. Bãi bỏ quyết định số 1302/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm TP.HCM ban hành về việc đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Điều 3. Ban Giám hiệu, các ông bà Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các lớp sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HC, ĐT;



PGS.TS. Nguyễn Hay

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HỒ CHÍ MINH



QUY CHẾ HỌC VỤ

ÁP DỤNG CHO BẠC ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Ban hành kèm theo quyết định số: *A.F.H.2.....*/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày *22/7*/2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7 năm 2014



Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Điều 1. Sinh viên

1. Sinh viên hệ chính quy của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh (Trường ĐHNL) là những người đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh hoặc được xét tuyển và có quyết định thu nhận vào Trường ĐHNL. Mỗi sinh viên khi vào trường sẽ được cấp một mã số sinh viên, thẻ sinh viên và địa chỉ thư điện tử (email) để sử dụng trong suốt quá trình theo học tại Trường.

2. Sinh viên phải chấp hành pháp luật, nội quy, quy định của Trường, của Khoa/Bộ môn, của lớp, và của các đơn vị khác trong trường. Khi vào trường, sinh viên phải đeo thẻ sinh viên, trang phục sạch sẽ, gọn gàng, kín đáo; phải mặc đồng phục khi tham dự những học phần có yêu cầu. Sinh viên Trường ĐHNL có trách nhiệm thực hiện nếp sống văn minh; phải giữ gìn trật tự vệ sinh; chấp hành luật giao thông; không làm ồn, gây mất trật tự; không tụ tập uống rượu bia; để xe đúng nơi quy định.

Điều 2. Chương trình đào tạo (CTĐT)

CTĐT của mỗi ngành học gồm các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Khoa/Bộ môn quản lý ngành học cần công khai CTĐT cho sinh viên biết ngay từ khi sinh viên nhập học.

Điều 3. Kế hoạch học tập (KHHT)

1. Sinh viên phải xây dựng KHHT toàn khóa bằng cách liệt kê các học phần phải học cho từng học kỳ (HK) của khoá học. KHHT phải được cố vấn học tập (CVHT), Khoa/Bộ môn quản lý ngành học duyệt. KHHT là cơ sở để sinh viên đăng ký học phần trong mỗi HK.

2. KHHT có thể thay đổi trong quá trình học nhưng phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt: thay đổi thứ tự học phần giữa các HK sẽ do CVHT duyệt, thêm hay bớt học phần trong KHHT sẽ do Khoa/Bộ môn duyệt.

Điều 4. Thời gian đào tạo

1. Thời gian thiết kế cho một CTĐT tùy theo bậc/ngành học. Thời gian cho phép để hoàn thành CTĐT được xác định theo bảng dưới đây:

Chương trình đào tạo	Thời gian thiết kế	Thời gian tối đa
Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học	2 năm	4 năm
Cao đẳng	3 năm	6 năm
Đại học	4 năm	8 năm
	5 năm	10 năm

2. Những sinh viên được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành CTĐT.

Điều 5. Học kỳ

1. Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi.

2. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học hè để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

3. HK hè giúp sinh viên rút ngắn thời gian học, cải thiện kết quả học tập. Không bắt buộc sinh viên phải học HK hè.

Điều 6. Học phần

1. *Học phần* là lượng kiến thức tương đối trọn vẹn được dạy trong một HK. Mỗi học phần có tên riêng và được ký hiệu bằng một mã số.

2. *Học phần bắt buộc* là học phần sinh viên phải tích lũy (*kết quả từ điểm D trở lên*).

3. *Học phần tự chọn* là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Khoa/Bộ môn nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

4. *Học phần tiên quyết* là học phần mà sinh viên phải tích lũy (*kết quả từ điểm D trở lên*) mới được đăng ký học học phần tiếp theo.

5. *Học phần học trước*: là học phần mà sinh viên đã đăng ký học nhưng chưa hoàn thành (*kết quả dưới điểm D*).

6. *Học phần điều kiện* là học phần mà sinh viên phải hoàn thành nhưng kết quả thi không dùng để tính điểm trung bình chung tích lũy (*ĐTBCCTL - xem Điều 23*). Các học phần điều kiện bao gồm: Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất, Ngoại ngữ không chuyên, Tin học căn bản.

7. *Lớp học phần* là lớp mà sinh viên đăng ký theo học cùng học phần trong một HK. Mỗi học phần có thể có nhiều lớp học phần với mã số khác nhau.

8. *Lớp chuyên ngành* là lớp được hình thành từ đầu khóa học cho đến cuối khóa học. Tổ chức lớp chuyên ngành để duy trì những sinh hoạt đoàn thể, lao động, xét kết quả rèn luyện, xét khen thưởng, phổ biến những thông tin của trường, Khoa/Bộ môn đến sinh viên. Mỗi lớp chuyên ngành có mã số riêng và được bố trí một CVHT để giúp đỡ sinh viên.

Điều 7. Tín chỉ (TC) và khối lượng CTĐT

1. Kiến thức của mỗi học phần và toàn khóa học được đo lường bằng tín chỉ (TC), được tính theo quy ước sau:

- 1 TC = 15 tiết học lý thuyết; hoặc 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận, seminar,...; hoặc 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, niên luận, khóa luận tốt nghiệp; hoặc 60 - 90 giờ thực tế ở cơ sở.

Để tiếp thu được kiến thức của 1 TC, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

2. Khối lượng CTĐT:

CTĐT	Khối lượng tối thiểu – tối đa
2 năm	60 TC – 89 TC
3 năm	90 TC – 119 TC
4 năm	120 TC – 149 TC
5 năm	150 TC – 179 TC

Điều 8. Học bổng, trợ cấp xã hội

1. Học bổng khuyến khích học tập

a) Học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT) được xét cấp theo HK dựa trên cơ sở điểm trung bình chung HK (ĐTBCCHK - xem Điều 23) và điểm rèn luyện (ĐRL - xem Điều 24) của HK chính trước đó. Riêng đối với học kỳ đầu tiên của khóa học, học bổng được cấp dựa trên điểm tuyển sinh đại học của từng ngành (không bao gồm điểm ưu tiên);

b) Học bổng được cấp dựa vào ĐTBCCHK từ cao xuống thấp. Trường hợp sinh viên có cùng ĐTBCCHK thì xét ưu tiên theo ĐRL;

c) Quỹ học bổng cấp cho SV từng lớp chuyên ngành được công bố từ đầu khóa học và sẽ được điều chỉnh khi nguồn quỹ học bổng của Trường có thay đổi;

d) Điều kiện để được xét học bổng: sinh viên hoàn thành ít nhất 14 TC trong học kỳ chính trước đó (trừ trường hợp do Trường bố trí hoặc học kỳ cuối trong khung thiết kế CTĐT có từ 8 TC trở lên); sinh viên đạt kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên, trong đó không có học phần dưới điểm D (xem Điều 21); sinh viên không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách cấp Trường trở lên;

đ) Tiêu chuẩn cho từng mức học bổng được xác định như sau:

+Mức học bổng loại xuất sắc: có ĐTBCCHK đạt xuất sắc và ĐRL đạt xuất sắc;

+Mức học bổng loại giỏi: có ĐTBCCHK đạt giỏi trở lên và ĐRL đạt từ tốt trở lên;

+Mức học bổng loại khá: có ĐTBCCHK đạt khá trở lên và ĐRL đạt từ khá trở lên.

e) Mức học bổng do Hiệu trưởng quyết định.

2. Học bổng tài trợ: Hàng năm Trường xét cấp học bổng tài trợ từ nguồn tài trợ của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân,... trong và ngoài nước theo Quy định về quản lý và cấp phát học bổng tài trợ.

3. Quỹ hỗ trợ sinh viên: sinh viên gặp khó khăn đột xuất về kinh tế có thể làm đơn trình bày rõ hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của CVHT và Khoa/Bộ môn để Trường xem xét.

4. Trợ cấp xã hội: Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội là sinh viên dân tộc ít người ở vùng cao; sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ; sinh viên tàn tật từ 41% trở lên; sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ đói.

Điều 9. Học phí và miễn, giảm học phí

1. Học phí đóng theo HK và tính theo tổng số TC mà sinh viên đã đăng ký học ở HK đó. Mức học phí do Hiệu trưởng quyết định.

2. Sinh viên tất cả các ngành đào tạo (kể cả sinh viên các ngành sư phạm) phải đóng học phí 1,5 lần so với mức học phí bình thường trong trường hợp học lại các học phần bị điểm F.

3. Quy định về miễn giảm học phí:

a) Việc cấp bù học phí căn cứ số lượng người học thực tế thuộc diện được miễn, giảm học phí và mức thu học phí (mức cấp bù học phí cho các trường theo khung học phí của từng nhóm ngành được quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ, nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013)

b) SV thuộc diện được miễn, giảm học phí phải nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định để được nhà trường xét, cho hưởng chế độ miễn, giảm học phí. Việc xét miễn, giảm học phí

cho SV được tiến hành theo học kỳ. SV hoàn tất hồ sơ xét miễn, giảm học phí ở học kỳ nào thì được hưởng miễn, giảm học phí ở học kỳ đó, không giải quyết truy hưởng miễn, giảm học phí của các học kỳ trước. Nhà trường chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí cho SV thuộc diện được miễn, giảm học phí đối với môn học lần đầu và trong khung chương trình đào tạo.

c) SV thuộc diện được miễn, giảm học phí mà cùng một lúc học ở nhiều trường (hoặc nhiều khoa, ngành trong cùng một trường) thì chỉ được hưởng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí tại một trường, khoa, ngành duy nhất, không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với SV thuộc diện được miễn, giảm trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở đào tạo, nay tiếp tục học thêm ở một cơ sở đào tạo khác cùng cấp và trình độ đào tạo.

d) Đối tượng không phải đóng học phí: sinh viên các ngành sư phạm còn trong thời gian thiết kế của chương trình đào tạo (*không bao gồm các học phần học lại, học phần của ngành học khác*); SV được xét miễn, giảm học phí không phải đóng học phí trong học kỳ được xét.

4. Đối tượng được miễn học phí:

a) Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong kháng chiến; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B; con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945; con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động trong kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh, bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

b) SV mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.

c) SV bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế.

d) SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

e) SV là người dân tộc thiểu số rất ít người, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn (Việt Nam có 16 dân tộc rất ít người có dân số dưới 10.000 người gồm: La Ha, La Hủ, Pà Thèn, Chứt, Lự, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Ngái, Si La, Pú Páo, Brâu, Rơ Măm, Ô Đu).

5. Đối tượng được giảm 50% học phí: sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

6. Sinh viên còn nợ học phí của học kỳ cũ sẽ không được đăng ký học phần ở học kỳ tiếp theo. Không đóng học phí hai HK liên tiếp sẽ bị buộc thôi học.

Điều 10. Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm tai nạn sinh viên; Tín dụng sinh viên

1. Bảo hiểm y tế (BHYT): Sinh viên phải nộp phí BHYT theo quy định (*Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12, ngày 14/11/2008 và Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC, ngày 14/8/2009 của Bộ Y Tế và Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện BHYT*).

2. Bảo hiểm tai nạn (BHTN): Trường khuyến khích sinh viên tham gia nộp BHTN.

3. Tín dụng sinh viên: Sinh viên có thể xin vay tín dụng từ các Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương nơi gia đình sinh viên cư trú. Trường sẽ cấp giấy xác nhận để sinh viên bổ sung hồ sơ xin vay vốn.

Điều 11. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của Nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương II

ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN

Điều 12. Trách nhiệm của Trường và của sinh viên trong việc đăng ký học phần

1. Trách nhiệm của trường:

- Đầu khóa học trường cung cấp cho sinh viên CTĐT ngành học, quy định về công tác học vụ và bố trí CVHT cho từng lớp chuyên ngành.
- Cán bộ làm CVHT chịu trách nhiệm quản lý sinh viên, tư vấn cho sinh viên xây dựng KHHT và thực hiện quá trình học tập theo đúng quy định của Trường.
- Đầu mỗi HK, Trường thông báo cho sinh viên những học phần sẽ giảng dạy trong HK đó và thời khóa biểu (TKB) của từng học phần tương ứng.

2. Trách nhiệm của sinh viên: tất cả sinh viên phải thực hiện đăng ký học phần trước khi HK mới bắt đầu. Các học phần đăng ký phải theo KHHT (xem Điều 3).

Điều 13. Số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ

Để đảm bảo tiến độ thời gian hoàn thành khóa học và đảm bảo chất lượng học tập, trong mỗi HK, sinh viên chỉ đăng ký với số lượng TC như sau:

1. HK chính: Sinh viên phải đăng ký học ít nhất 8 TC và tối đa 25 TC; những sinh viên đăng ký không đủ số tín chỉ tối thiểu (8 TC) mà không được sự cho phép của Trường thì xem như sinh viên tự ý bỏ học.

2. HK hè: Sinh viên đăng ký tối đa 12 TC. Trường không bắt buộc sinh viên phải học HK này.

3. Đối với HK đầu tiên, sinh viên mới trúng tuyển không phải đăng ký học phần. Các học phần của HK này sẽ do Trường bố trí.

4. Tùy theo năng lực học tập, Trường khuyến khích sinh viên đăng ký học với số tín chỉ tối đa để rút ngắn thời gian hoàn thành khóa học.

Điều 14. Đăng ký học phần

1. Quy trình đăng ký học phần:

Bước 1: Sinh viên dựa vào KHHT và TKB các học phần giảng dạy trong HK do trường công bố để đăng ký học phần trực tuyến theo kế hoạch chung.

Bước 2: Sau khi Phòng đào tạo công bố kết quả đăng ký học phần, sinh viên vào website đăng ký học phần để in “Thời khóa biểu”.

2. Danh mục các học phần sẽ mở ở các HK được công bố 6 tuần trước khi bắt đầu HK.

3. Danh mục các học phần đủ điều kiện tổ chức giảng dạy sẽ được công bố 1 tuần trước khi bắt đầu HK.

4. Chậm nhất là tuần lễ thứ 8 của HK chính và tuần lễ thứ 2 của HK hè, nếu sinh viên thấy việc học khó khăn có thể dẫn đến kết quả kém, sinh viên có thể rút bớt học phần đã đăng ký nhưng không được hoàn lại học phí. Muốn rút bớt học phần, sinh viên nộp đơn đề nghị rút học phần về Phòng Đào tạo. Những học phần đã rút sẽ nhận điểm R trong bảng điểm HK. Trong các HK chính, số học phần còn lại sau khi rút bớt không được dưới 8 TC.

5. Sinh viên đã đăng ký học phần nhưng không đi học hoặc không dự thi kết thúc học phần sẽ bị điểm F của học phần đó.

Điều 15. Xóa, mở thêm lớp học phần

1. Xóa lớp học phần: Trường sẽ xóa những lớp học phần:

- a) Lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp thực hành có số lượng đăng ký ít hơn 30 sinh viên;
- b) Thực hành có số lượng đăng ký ít hơn 20 sinh viên/nhóm;
- c) Giáo dục thể chất có số lượng đăng ký ít hơn 40 sinh viên/nhóm.

2. Khoa/Bộ môn muốn duy trì/mở các lớp học phần không đủ số lượng sinh viên đăng ký theo quy định cần có văn bản gửi Phòng Kế hoạch tài chính có ý kiến và trình Ban giám hiệu phê duyệt.

3. Mở thêm lớp học phần: Trong thời gian quy định xây dựng kế hoạch giảng dạy của HK, nếu có từ 30 sinh viên có nguyện vọng học và được Khoa/Bộ môn phụ trách học phần đó chấp thuận, Trường sẽ xem xét mở thêm lớp học phần theo đề nghị.

Điều 16. Đăng ký học lại

1. Các học phần có điểm F sẽ không được tích lũy. Nếu là học phần bắt buộc, sinh viên phải đăng ký học lại những học phần này; nếu là học phần tự chọn, sinh viên có thể đăng ký học lại hoặc chọn học phần tự chọn khác.

2. Các học phần đã tích lũy ở mức điểm D, D⁺, C, C⁺, B, B⁺, sinh viên có thể đăng ký học lại để cải thiện kết quả. Điểm của học phần sẽ là điểm cao nhất trong các lần học.

Điều 17. Nghỉ học tạm thời, cảnh báo học vụ, đình chỉ học tập và buộc thôi học

1. Nghỉ học tạm thời: Sinh viên có thể làm đơn xin phép nghỉ học tạm thời trong các trường hợp sau đây:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài và phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;
- c) Vì nhu cầu cá nhân (*hoàn cảnh gia đình neo đơn, việc riêng...*). Trường hợp này chỉ giải quyết khi sinh viên đã học ít nhất một HK ở Trường, không rơi vào tình trạng bị buộc thôi học và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBCTL) không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời trong trường hợp này phải được tính vào quỹ thời gian học chính thức để hoàn thành chương trình đào tạo.

2. Nếu được chấp thuận, sinh viên sẽ nhận được quyết định cho phép nghỉ học của Hiệu trưởng. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng chậm nhất là một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới. Nếu đủ điều kiện, Trường sẽ quyết định thu nhận sinh viên học lại.

3. Cảnh báo kết quả học tập:

Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên khi:

- a) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

b) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

Số lần cảnh báo kết quả học tập của sinh viên không vượt quá 2 lần liên tiếp.

4. Đình chỉ học tập 1 năm trong các trường hợp:

a) Bị kỷ luật lần thứ nhất vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ;

b) Có điểm rèn luyện cả năm học thuộc loại kém lần thứ nhất.

5. Buộc thôi học trong các trường hợp:

a) Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học;

b) Đã bị 2 lần liên tiếp cảnh báo kết quả học tập và học kỳ chính kế tiếp có ĐTBCHK dưới 1,00;

c) Nghỉ học tạm thời quá thời hạn cho phép;

d) Không đăng ký học phần hoặc đăng ký không đủ số tín chỉ tối thiểu (8 TC) mà không được sự cho phép của Trường trong 2 HK chính liên tiếp trở lên;

đ) Không đóng học phí 2 HK chính liên tiếp;

e) Có điểm rèn luyện cả năm học thuộc loại kém lần thứ hai;

g) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

h) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của Trường.

6. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

7. Trường hợp tại trường sinh viên vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm b, điểm g của điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 18. Giờ lên lớp

Sinh viên phải dự lớp 100% số giờ đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập ngoài trường, Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất; phải tham dự tối thiểu 80% số giờ đối với các học phần lý thuyết. Sinh viên vắng lên lớp nhiều hơn thời gian quy định sẽ bị cấm thi. Cán bộ giảng dạy (CBGD) học phần đề nghị Khoa/Bộ môn duyệt danh sách sinh viên bị cấm thi, thông báo cho sinh viên biết trong buổi học cuối và cho điểm F vào bảng điểm.

Vào buổi học đầu tiên CBGD thông báo cho sinh viên biết nội dung học phần, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm...

Công tác giảng dạy – học tập được thực hiện 7 ngày/tuần. Thời gian giảng dạy trong ngày được công bố trên website của Phòng đào tạo.

Điều 19. Học cùng lúc hai chương trình

1. Trong quá trình học, sinh viên có thể học thêm một chương trình khác để lấy thêm văn bằng thứ hai (*nếu có nhu cầu*). Khi tích lũy đầy đủ những học phần theo chương trình thứ hai, sinh viên sẽ được cấp văn bằng của chương trình thứ hai.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình: Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất; Sinh viên phải hoàn thành HK đầu tiên; có ĐTBCTL từ 2,00 trở lên; Khoa/Bộ môn quản lý chương trình thứ hai còn khả năng tiếp nhận thêm sinh viên.

3. Thủ tục đăng ký học thêm chương trình thứ hai:

a) Sinh viên phải làm đơn đăng ký học chương trình thứ hai vào đầu mỗi học kỳ chính (*theo thông báo của trường*);

b) Khi có quyết định chấp thuận học cùng lúc hai chương trình, sinh viên tự nghiên cứu chương trình đào tạo của chương trình thứ hai và bổ sung các học phần cần phải học vào KHHT để đăng ký học phần;

c) Sau khi tốt nghiệp chương trình thứ nhất, sinh viên sẽ được chuyển về Khoa/Bộ môn quản lý chương trình thứ hai để quản lý và được bố trí CVHT mới. Khoa/Bộ môn quản lý chương trình thứ hai sẽ xét các học phần của CTĐT thứ hai được miễn do đã tích lũy ở CTĐT thứ nhất và sinh viên sẽ xây dựng KHHT của CTĐT thứ hai dưới sự hướng dẫn của CVHT mới.

3. Sinh viên học hai chương trình chỉ được hưởng các chế độ quyền lợi đối với chương trình thứ nhất.

4. Tổng số TC tối đa cho phép đăng ký ở HK chính là 25 TC, học kỳ hè là 12 TC.

5. Thời gian học cùng lúc hai chương trình được tính trong tổng thời gian học tối đa của chương trình thứ nhất. Sinh viên chỉ được công nhận tốt nghiệp đối với chương trình thứ hai sau khi đã được công nhận tốt nghiệp chương trình thứ nhất.

6. Sinh viên đang học cùng lúc hai chương trình, nếu học lực yếu (*ĐTBHK dưới 2,00*) sẽ không được đăng ký học học phần thuộc chương trình thứ hai ở HK tiếp theo. Khi nào kết quả học tập được cải thiện mới được học tiếp chương trình thứ hai.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 20. Đánh giá học phần

1. Theo tính chất của học phần, có 3 loại học phần:

a) *Học phần lý thuyết*: Là học phần CBGD và sinh viên làm việc trên lớp, bao gồm thuyết trình, sửa bài tập, thảo luận, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

b) *Học phần thực hành*: Là học phần sinh viên làm thực hành, thí nghiệm, khảo sát thực địa, làm việc trong phòng thí nghiệm, thực tập dã ngoại.

c) *Học phần lý thuyết kết hợp thực hành*: Là học phần có một phần giảng lý thuyết của CBGD; một phần sinh viên làm thực hành, thí nghiệm, khảo sát thực địa, làm việc trong phòng thí nghiệm.

2. Học phân lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp thực hành: Điểm học phần được tính từ các điểm thành phần bao gồm: điểm bài tập, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thực hành, điểm đánh giá nhận thức, điểm tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm đồ án và điểm thi kết thúc học phần. Thi kết thúc học phần là bắt buộc và điểm phải có trọng số không dưới 50%.

3. Học phân thực hành: Điểm học phần được tính bằng điểm trung bình của các bài thực hành.

4. Hình thức đánh giá học phần, trọng số các điểm thành phần do CBGD đề xuất, Khoa/Bộ môn phụ trách học phần duyệt và công bố trong đề cương chi tiết học phần.

Điều 21. Điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

- a) Loại đạt:
- A (≥ 9.0)
 - B+ (≥ 8.0)
 - B (≥ 7.0)
 - C+ (≥ 6.0)
 - C (≥ 5.0)
 - D+ (> 4.0)
 - D (= 4.0)

- b) Loại không đạt: F (< 4.0)

2. Điểm học phần sẽ được công bố và ghi nhận theo theo hệ điểm chữ A-B-C-D-F. Học phần chỉ được tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên. Các điểm chữ sẽ được quy đổi sang điểm số (*thang điểm 4*) để tính ĐTBCHK và ĐTBCTL. Cách quy đổi được thực hiện theo bảng dưới đây:

Điểm chữ	Điểm số
A	4,0
B+	3,5
B	3,0
C+	2,5
C	2,0
D+	1,5
D	1,0
F	0,0

3. Các điểm học phần khác:

- Điểm M: Dùng để xác nhận học phần sinh viên được miễn học do đã tích lũy được bằng các hình thức khác. Điểm M không được tính vào ĐTBCHK và ĐTBCTL. Để nhận điểm M, sinh viên phải làm đơn có ý kiến của CVHT và nộp cho Khoa/Bộ môn xem xét theo từng HK, kèm theo giấy tờ hợp lệ.

- Điểm I: Dành cho các trường hợp chưa hoàn thành đầy đủ yêu cầu của học phần (*Sinh viên đã dự học, dự các lần kiểm tra giữa HK, đã thực hiện các hoạt động liên quan đến học phần như thí nghiệm, thực hành nhưng vì lý do bất khả kháng như ốm đau, tai nạn đã vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần và được CBGD phụ trách học phần chấp thuận cho bổ sung điểm*). Điểm I không được tính vào ĐTBCHK ở HK đó. Để nhận được điểm I, sinh viên phải làm đơn kèm theo hồ sơ hợp lệ nộp cho CBGD học phần xem xét và trình lãnh đạo Khoa/Bộ môn duyệt. Thời hạn bổ sung điểm của học phần do CBGD quy định nhưng không quá một năm kể từ ngày thi lần trước. Quá thời hạn trên, nếu sinh viên không hoàn thành thì sẽ bị điểm F.

- Điểm R: Dành cho các học phần mà sinh viên được phép rút theo quy định tại Điều 14. Điểm R không tính vào ĐTBCHK và ĐTBCTL.

Điều 22. Quy định về công tác tổ chức thi kết thúc học phần, số lần thi, vắng thi

1. Đối với các học phần thực hành, thực tập hoặc đồ án, CBGD tự sắp xếp với Khoa/Bộ môn để tổ chức thi; đối với các học phần lý thuyết thì sẽ thi theo lịch chung do Phòng Đào tạo xếp. Lịch thi kết thúc học phần phải được thông báo tới tất cả sinh viên chậm nhất 30 ngày trước ngày thi đầu tiên của HK và được đăng thông tin trên website.

2. Kỳ thi kết thúc học phần được tổ chức một lần.

3. Trong thời gian thi kết thúc học phần nếu sinh viên có lý do chính đáng không thể dự thi, được Khoa/Bộ môn, CHVT và CBGD học phần đó chấp thuận thì sẽ được cho phép vắng thi. Sinh viên được phép vắng thi sẽ được hưởng điểm I và phải thi trả nợ trong thời gian sớm nhất theo quy định của CBGD. Nếu không hoàn thành việc trả nợ trong thời gian quy định hoặc việc vắng thi không được chấp nhận thì sinh viên sẽ bị điểm F (*xem khoản 3 Điều 21*).

4. Sinh viên tuân thủ Quy định về công tác tổ chức thi kết thúc học phần hiện hành được ban hành bởi Trung tâm khảo thí và Kiểm định chất lượng của trường.

Điều 23. Điểm trung bình chung học kỳ (ĐTBCHK), trung bình chung năm học (ĐTBCHN), trung bình chung tích lũy ĐTBCTL

1. Học phần đã tích lũy: là học phần có kết quả đạt từ điểm D trở lên. Các học phần có điểm F sẽ không được tích lũy.

2. Số TC tích lũy: là tổng số TC của các học phần đã tích lũy.

3. ĐTBCHK: là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà sinh viên đã học trong HK (*kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện*), với trọng số là số TC của các học phần đó. ĐTBCHK là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, xét học bổng, khen thưởng, cảnh báo học vụ sau mỗi HK. ĐTBCHK được tính theo công thức tính như sau:

$$\text{ĐTBCHK} = \frac{\sum_{i=1}^n a_i X_i}{\sum_{i=1}^n a_i}$$

Trong đó: X_i : là điểm học phần thứ i ; a_i : là số TC của học phần thứ i ;

n : là số học phần SV đăng ký học trong HK.

4. ĐTBCHN: là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà sinh viên đã học trong 2 HK chính (kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện).

5. Xếp loại học tập học kỳ và năm học: căn cứ ĐTBCHK, ĐTBCHN, sinh viên được xếp loại học tập như sau:

Xếp loại	ĐTBCHK hoặc ĐTBCHN
Xuất sắc	3,60 - 4,00
Giỏi	3,20 - 3,59
Khá	2,50 - 3,19
Trung bình	2,00 - 2,49
Yếu	1,00 - 1,99
Kém	<1,00

6. ĐTBCTL: là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy tính đến thời điểm xét (không bao gồm các học phần điều kiện, và các học phần bị điểm F). Cách tính ĐTBCTL tương tự như tính ĐTBCHK. ĐTBCTL là cơ sở để đánh giá kết quả học tập trong suốt thời gian học, xếp loại học lực, xếp loại tốt nghiệp, xét học chương trình thứ hai và cảnh báo học vụ sau mỗi HK.

Điều 24. Điểm rèn luyện

1. Mức độ rèn luyện của sinh viên được đánh giá từng HK của hai HK chính (HK hệ không tính ĐRL) và đo lường bằng điểm rèn luyện (ĐRL) được chấm theo thang điểm 100 dựa vào QĐ số 60/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

a) ĐRL cả năm là trung bình cộng của ĐRL hai HK chính. Mức độ rèn luyện của sinh viên được phân loại dựa vào ĐRL như dưới đây:

Điểm	Xếp loại
* Từ 90 đến 100 điểm	Xuất sắc
* Từ 80 đến dưới 90 điểm	Tốt
* Từ 70 đến dưới 80 điểm	Khá
* Từ 60 đến dưới 70 điểm	Trung bình khá
* Từ 50 đến dưới 60 điểm	Trung bình
* Từ 30 đến dưới 50 điểm	Yếu
* Dưới 30 điểm	Kém

b) Những sinh viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo của Trường trở lên trong HK, thì mức xếp loại không được vượt quá loại trung bình;

c) Sinh viên không thực hiện bảng đánh giá kết quả rèn luyện hoặc không nộp bảng đánh giá đúng thời gian quy định sẽ bị xếp loại kém ở HK đó.

d) Sinh viên chậm trễ trong việc đóng học phí cho nhà trường sẽ bị hạ một bậc kết quả đánh giá rèn luyện trong học kỳ đó.

2. Sử dụng điểm rèn luyện:

a) ĐRL toàn khóa học được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên, ghi vào bảng điểm toàn khóa của sinh viên khi ra trường;

b) Sinh viên bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học sẽ bị đình chỉ học tập một năm ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại kém cả năm lần thứ hai (*trong toàn khoá học*) thì sẽ bị buộc thôi học;

c) ĐRL của sinh viên từng HK là tiêu chí để xét học bổng khuyến khích học tập, xếp loại và khen thưởng cuối mỗi năm học.

Điều 25. Xếp loại khen thưởng và Khen thưởng

1. Xếp loại khen thưởng:

Các sinh viên học đủ số TC theo quy định (*từ 14 TC trở lên cho mỗi HK*), có tiến độ học tập trong khung thời gian thiết kế CTĐT, không vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách của Trường trở lên, đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện sẽ được xếp loại như sau:

- a) Sinh viên xuất sắc: kết quả học tập xuất sắc và rèn luyện xuất sắc;
- b) Sinh viên giỏi: kết quả học tập từ giỏi trở lên và rèn luyện từ loại tốt trở lên;
- c) Sinh viên khá: kết quả học tập từ khá trở lên và rèn luyện từ loại khá trở lên.

2. Khen thưởng:

a) Sinh viên trúng tuyển vào Trường: có điểm cao nhất theo khối thi sẽ được khen thưởng;

b) Sinh viên tốt nghiệp đúng hoặc sớm hơn thời gian thiết kế của CTĐT:

- Sinh viên giỏi toàn khoá trở lên sẽ được cấp giấy khen.
- Sinh viên thủ khoa của ngành/chuyên ngành đào tạo được xếp loại khá toàn khoá trở lên sẽ được cấp giấy khen và phần thưởng.

c) Sinh viên tiêu biểu mỗi năm học: Trường xét cấp giấy khen và phần thưởng cho sinh viên tiêu biểu của các Khoa/Bộ môn như sau:

+ Số lượng:

- Khoa/Bộ môn có ít hơn hay bằng 500 sinh viên: được chọn một sinh viên tiêu biểu.
- Khoa/Bộ môn có từ trên 500 đến 1000 sinh viên: được chọn hai sinh viên tiêu biểu.
- Khoa/Bộ môn có trên 1000 sinh viên: được chọn từ ba đến bốn sinh viên tiêu biểu.

+ Tiêu chuẩn chọn sinh viên tiêu biểu:

- Sinh viên có kết quả học cả năm đạt từ loại khá trở lên.
- Sinh viên có điểm rèn luyện cả năm đạt từ loại tốt trở lên.
- Sinh viên có thành tích trong các hoạt động Đoàn – Hội.

Trường hợp có cùng ĐTBCHN thì ưu tiên chọn sinh viên có ĐRL cao hơn.

3. Định mức khen thưởng theo quy chế chi tiêu nội bộ được Hiệu trưởng ban hành tại quyết định số 2950/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 03/12/2013.

Điều 26. Thông báo kết quả học tập

1. Giảng viên chịu trách nhiệm nhập điểm học phần vào bảng điểm, ký tên, gửi Khoa/Bộ môn quản lý học phần chậm nhất là 4 tuần kể từ ngày thi kết thúc học phần đó. Khoa/Bộ môn quản lý học phần lưu một (01) bản và gửi về phòng Đào tạo một (01) bản.

2. Xử lý tất cả khiếu nại liên quan đến kết quả học tập của học phần do Khoa/Bộ môn quản lý và chỉ thực hiện trong thời gian 1 tuần kể từ ngày công bố điểm.

3. Cuối mỗi HK, Phòng Đào tạo xử lý ĐTBCHK và ĐTBCTL và thông báo tới sinh viên.

4. Trong quá trình học tập, sinh viên có thể đăng ký cấp bằng điểm cá nhân theo nhu cầu riêng. Mức chi phí do Trường quy định.

Điều 27. Xếp hạng năm đào tạo

Xếp hạng năm đào tạo được xác định dựa vào tổng số TC đã tích lũy, không dựa vào thời gian sinh viên vào trường. Sau mỗi HK, căn cứ vào khối lượng TC tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Xếp hạng năm đào tạo	Số TC đã tích lũy (từ K.2014)	Số TC đã tích lũy (K.2013 trở về trước)
Năm thứ nhất	Dưới 36	Dưới 30
Năm thứ hai	Từ 36 đến 70	Từ 30 đến dưới 60
Năm thứ ba	Từ 71 đến 105	Từ 60 đến dưới 90
Năm thứ tư	Từ 106 đến 149	Từ 90 đến dưới 120
Năm thứ năm	Trên 149	Từ 120 trở lên

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 28. Khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp, tích lũy TC tốt nghiệp

1. Tùy theo tính chất của ngành đào tạo sinh viên được hướng dẫn thực hiện 1 trong 3 hình thức sau:

a) Khóa luận tốt nghiệp (KLTN): KLTN có khối lượng 10 TC. Sau khi hoàn thành khóa luận, sinh viên sẽ bảo vệ trước hội đồng gồm ít nhất 3 giảng viên. Điểm KLTN của SV là trung bình cộng của các thành viên hội đồng, giáo viên hướng dẫn và giáo viên phản biện (*các cột điểm có trọng số bằng nhau và không được chênh nhau quá 3 điểm*). Hội đồng bảo vệ KLTN do Khoa/Bộ môn đề xuất và được Hiệu trưởng phê duyệt;

b) Tiểu luận tốt nghiệp (TLTN): TLTN có khối lượng 5 TC và phải học thêm các học phần chuyên môn tự chọn để đủ số TC theo yêu cầu của CTĐT. TLTN do cán bộ hướng dẫn và 1 cán bộ khác chấm, không phải bảo vệ trước hội đồng. Cán bộ chấm TLTN do Khoa/Bộ môn quyết định;

c) Tích lũy TC tốt nghiệp: sinh viên có thể chọn hình thức không làm LVTN hoặc TLTN. Các sinh viên này phải học thêm các học phần tự chọn để đủ số TC theo yêu cầu của CTĐT.

2. Để được nhận đề tài KLTN hoặc TLTN, sinh viên phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- Có số tín chỉ tích lũy ít nhất 3/4 khối lượng chương trình đào tạo;
- Có điểm trung bình tích lũy hệ 4 từ 2.0 trở lên.

Ngoài các điều kiện trên, Khoa/Bộ môn có thể bổ sung các quy định khác tùy theo tình hình cụ thể của đơn vị.

Cuối mỗi HK, Khoa/Bộ môn xét và công bố hình thức thực hiện cuối khóa cho sinh viên ở HK tiếp theo. Sinh viên làm KLTN hay TLTN đều phải đăng ký học phần như các học phần khác.

3. Sinh viên có khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của khóa luận tốt nghiệp.

Điều 29. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Hằng năm, sinh viên đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp vào các tháng 3, 6, 9 và 12:

a) Tích lũy đủ các học phần và số TC quy định trong CTĐT; ĐTBCTL của các học phần đạt từ 2,00 trở lên theo thang điểm 4,00;

b) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.

c) Hoàn thành các chuẩn đầu ra theo Quy định của Nhà trường.

2. Sinh viên tốt nghiệp khác tiến độ phải làm đơn đề nghị xét/chưa xét công nhận tốt nghiệp nộp cho Trợ lý giáo vụ Khoa/Bộ môn.

3. Hội đồng xét tốt nghiệp Khoa/Bộ môn chịu trách nhiệm xét tốt nghiệp đúng thời hạn, đúng đối tượng và chuyển kết quả xét tốt nghiệp về Phòng Đào tạo đúng thời gian quy định.

4. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm thẩm định và trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp.

5. Sinh viên có tên trong Quyết định công nhận tốt nghiệp sẽ được nhận: Bảng điểm toàn khóa và Bằng tốt nghiệp.

Điều 30. Xử lý sinh viên quá hạn thời gian đào tạo

1. Khi hết thời gian tối đa được phép học, những sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ xóa tên, trừ những sinh viên được hưởng ưu tiên theo đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

2. Sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ được cấp bảng điểm các học phần đã học.

Điều 31. Bằng tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo.

2. Xếp loại tốt nghiệp được xác định căn cứ vào ĐTBCTL theo các mức như sau:

a) Loại Xuất sắc: ĐTBCTL từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại Giỏi ĐTBCTL từ 3,20 đến 3,59;

c) Loại Khá ĐTBCTL từ 2,50 đến 3,19;

d) Loại Trung bình ĐTBCTL từ 2,00 đến 2,49.

3. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có khối lượng các học phần học lại (chỉ tính học phần bắt buộc) vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
- b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

Điều 32. Thủ tục ra trường

Sau khi có quyết định tốt nghiệp, sinh viên cần thực hiện thủ tục thanh toán ra trường trước khi nhận bằng tốt nghiệp.

Điều 33. Cấp bằng tốt nghiệp

Bằng tốt nghiệp chỉ cấp một lần. Trường hợp bằng bị mất hoặc bị hỏng, sinh viên có thể nộp đơn cho Phòng Đào tạo để đề nghị cấp Bản sao bằng tốt nghiệp.

Điều 34. Bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

2. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 5 Điều 17 của Quy chế này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Quy chế này được áp dụng cho bậc cao đẳng, đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHNL và áp dụng từ học kỳ I năm học 2014 - 2015.

Bãi bỏ Quyết định số 1302/QĐ-ĐT-ĐHNL của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh ban hành ngày 05/09/2008 về đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh

Điều 36. Các ông, bà thủ trưởng các đơn vị chức năng có liên quan và trưởng Khoa/Bộ môn chịu trách nhiệm phổ biến và triển khai thực hiện quy chế này trong phạm vi chức trách của đơn vị mình./.


PGS. TS Nguyễn Hay